

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cầu Chay
bắc qua kênh Than, phường Tĩnh Gia

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc Hội về thi điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 7/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 07/12/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng cầu Chay bắc qua kênh Than, phường Tĩnh Gia;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tại Tờ trình số 4407/TTr-BNS ngày 22/12/2025 về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cầu Chay bắc qua kênh Than, phường Tĩnh Gia (kèm theo hồ sơ và báo cáo thẩm định số 4394/BNS-QHXD ngày 20/12/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng cầu Chay bắc qua kênh Than, phường Tĩnh Gia, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng cầu Chay bắc qua kênh Than, phường Tĩnh Gia.

2. Địa điểm xây dựng: Phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Nghi Sơn.

5. Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Thanh Hoa.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

7. Mục tiêu đầu tư: Từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và mạng lưới giao thông theo quy hoạch được duyệt, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa nói chung và của Khu kinh tế Nghi Sơn nói riêng.

8. Quy mô và giải pháp đầu tư xây dựng

8.1. Quy mô đầu tư.

- Phần cầu: Xây dựng mới 01 đơn nguyên cầu Chay còn lại theo quy hoạch (phía thượng lưu, bên trái tuyến), chiều rộng cầu $B_{\text{cầu}}=11,5\text{m}$ (trong đó, chiều rộng mặt cầu $B_{\text{mc}}=7,5\text{m}$; $B_{\text{vh}}=3,0\text{m}$; $B_{\text{lc}}=2\times 0,5\text{m}$). Kết cấu BTCT và BTCT dự ứng lực theo TCVN 11823:2017, tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ $3\times 10^{-3}\text{MPa}$.

- Phần đường hai đầu cầu: Quy mô chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}}=19,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_{\text{mặt}}=2\times 7,5\text{m}=15,0\text{m}$; chiều rộng dải phân cách giữa $B_{\text{dpc}}=3,0\text{m}$; chiều rộng lề đường $B_{\text{ld}}=2\times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$; vuốt nối êm thuận về đường hiện trạng.

8.2. Giải pháp thiết kế.

8.2.1. Phần cầu: Cầu gồm 02 nhịp dầm bản rộng BTCT DƯL, sơ đồ nhịp $2\times 18\text{m}$. Chiều dài toàn cầu $L_c=45,15\text{m}$ (tính đến đuôi mố); chiều rộng toàn cầu $B_c=(0,5+7,5+3,0+0,5)=11,50\text{m}$; dốc ngang cầu 1 mái theo hướng từ phải sang trái $i=2\%$.

+ Kết cấu phần trên: Gồm 02 nhịp dầm giản đơn bản rộng bằng BTCT DƯL 45Mpa, chiều dài dầm $L=18\text{m}$, chiều cao dầm $h=0,65\text{m}$; mặt cắt ngang nhịp gồm 11 phiến dầm; bản mặt cầu BTCT 35Mpa dày 18cm, chống thấm mặt cầu bằng vật liệu dạng dung dịch, tưới nhựa dính bảm $0,5\text{kg/m}^2$, thấm mặt cầu

bằng BTN C16 dày 7cm; gối cầu bằng cao su cốt bản thép kích thước (150x250x35)mm; khe co giãn đặt tại các vị trí móng bằng thép dạng răng lược; bản liên tục nhiệt bố trí trên trụ; thoát nước mặt cầu bằng ống gang đúc D150; gờ lan can bằng BTCT 30Mpa, bên trong bố trí ống kỹ thuật bằng nhựa PVC đường kính D100; lan can bằng thép mạ kẽm.

+ Kết cấu phần dưới: Hai móng cầu tạo giống nhau, dạng móng dẹt bằng BTCT 35Mpa; móng đặt trên hệ 03 cọc khoan nhồi đường kính D1,2m bằng BTCT 35Mpa. Trụ cầu dạng trụ dẹt bằng BTCT 35Mpa, đặt trên hệ 03 cọc khoan nhồi đường kính D1,2m bằng BTCT 35Mpa.

+ Vía hè đi bộ: Lát bằng đá tự nhiên kích thước 30x20x4cm, trên lớp vữa đệm M100 dày 2cm. Bó vỉa bằng BTCT 30Mpa, kích thước 100x50x40cm.

+ Gia cố hoàn trả mái kênh: Gia cố mái kênh bằng BTXM M200 dày 20cm, lớp nilon chống thấm, chân khay bằng BTCT M250, chống xói bằng đá hộc xếp khàn.

8.2.2 Phần đường hai đầu cầu:

a) Bình đồ, hướng tuyến:

Tuyến theo quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 của Thủ tướng chính phủ và quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị số 08, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4187/QĐ-UBND ngày 8/11/2023.

Đường hai đầu cầu có tổng chiều dài $L=667,26\text{m}$ (bao gồm cả phạm vi cầu), toàn tuyến có 01 đỉnh không cấm cong.

b) Thiết kế mặt cắt dọc:

Cao độ đường cơ bản đáp ứng theo cao độ quy hoạch được duyệt, phù hợp với cao độ mặt cầu và tuyến đường hai đầu cầu đã được đầu tư giai đoạn 1. Độ dốc dọc lớn nhất $i_{\max}=2,5\%$, bán kính đường cong lồi nhỏ nhất $R_{\min}=1000\text{m}$, và đường cong lõm nhỏ nhất $R_{\min}=1800\text{m}$.

c) Thiết kế mặt cắt ngang:

- Đoạn ngoài khu vực dân cư: chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}}=19,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_{\text{mặt}}=2 \times 7,5\text{m}=15,0\text{m}$; chiều rộng dải phân cách giữa $B_{\text{dpc}}=3,0\text{m}$; chiều rộng lề đường $B_{\text{ld}}=2 \times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$; dốc ngang mặt đường $I_{\text{mặt}}=2\%$.

- Đoạn qua khu vực dân cư: chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}}=19,8\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_{\text{mặt}}=2 \times 7,5\text{m}=15,0\text{m}$; chiều rộng dải phân cách giữa $B_{\text{dpc}}=3,0\text{m}$; chiều rộng lề đường và rãnh $B_{\text{ld+rãnh}}=(1,3+0,5)\text{m}=1,8\text{m}$; dốc ngang mặt đường $I_{\text{mặt}}=2\%$.

d) Thiết kế nền đường:

- Nền đường đắp: Đắp bằng đất đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật đạt độ chặt

$K \geq 0,95$; lớp sát móng đường đắp đất độ chặt $K \geq 0,98$ dày 30cm. Độ dốc taluy mái đắp 1/1,5; gia cố mái taluy nền đường đắp thông thường bằng trồng cỏ. Những vị trí mặt đường bị hư hỏng bong tróc kết cấu: Đào xử lý hư hỏng, hoàn trả bằng móng đá dăm tiêu chuẩn.

- Nền đường đào: Nền đường chỉ đắp không thiết kế đào nền.

e) *Thiết kế mặt đường*: Kết cấu áo đường được thiết kế đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 155 \text{MPa}$ (độ tin cậy 0,90).

- Kết cấu áo đường loại 1 (áp dụng trên nền đất): Thảm mặt đường BTN C16 dày 7cm, tưới nhựa dính bám TCN 0,5kg/m², lán nhựa 01 lớp TCN 1,8kg/m², móng trên bằng đá dăm tiêu chuẩn (4x6)cm chèn đá dăm dày 24cm, móng dưới bằng đá dăm tiêu chuẩn (4x6)cm dày 30cm.

- Kết cấu áo đường loại 2 (áp dụng trên đường cũ có kết cấu BTN): Thảm mặt đường BTN C16 dày 7cm, bù vênh mặt đường cũ bằng BTN C16, tưới nhựa dính bám TCN 0,5kg/m².

- Kết cấu áo đường loại 3 (áp dụng trên đường cũ có kết cấu lán nhựa): Thảm mặt đường BTN C16 dày 7cm, tưới nhựa dính bám TCN 0,5kg/m², lán nhựa 01 lớp TCN 1,8kg/m², móng trên bằng đá dăm tiêu chuẩn (4x6)cm chèn đá dăm dày 24cm, bù vênh trên đường cũ bằng đá dăm.

f) *Thiết kế hệ thống thoát nước*:

- Hệ thống rãnh dọc: Thoát nước dọc bằng chảy tỏa và rãnh dọc được bố trí tại những đoạn đào đất hoặc đắp thấp. Đoạn qua khu vực dân cư thiết kế rãnh dọc chịu lực, tiết diện chữ nhật, bề rộng lòng rãnh $B=50\text{cm}$. Kết cấu rãnh bằng BTCT M250, tấm đan rãnh bằng BTCT M300. Thu nước qua tấm đan có bố trí khe hở. Gia cố lề đường phạm vi từ mép ngoài mặt đường đến rãnh dọc bằng BTXM M300 dày 20cm, đá dăm đệm dày 10cm.

- Thoát nước ngang: toàn tuyến có 01 công trình thoát nước ngang: Nối dài cống tròn $\text{ĐK}=1,0\text{m}$; kết cấu bằng bê tông M200; ống cống BTCT M250, đá dăm đệm móng dày 10cm.

- Hoàn trả hệ thống mương thoát nước hiện hữu: Xây dựng hoàn trả mương thoát nước dọc bằng cống tròn ly tâm $\text{ĐK}=1,0\text{m}$, bố trí trong phạm vi dải phân cách giữa, hố thu kết cấu BTXM M200, tấm đan BTCT M300. Hoàn trả 02 cống tiêu vào kênh Than, cống tiêu kích thước $B \times H=1,6 \times 2,0\text{m}$ (bên mố M1); kích thước $B \times H=1,0 \times 1,2\text{m}$ (bên mố M2), kết cấu thân cống BTCT M250, bố trí cửa phai và dàn đóng mở kết cấu BTCT M250.

g) *Bố vĩa dải phân cách giữa*: Bó vĩa dải phân cách giữa bằng BTXM M200 trên lớp VXM M100 dày 2cm, đệm móng BTXM M150 dày 10cm, kích thước bó vĩa trên đoạn thẳng (100x26x45)cm trên đoạn cong (40x26x45)cm.

h) Hệ thống an toàn giao thông: Công trình an toàn giao thông trên tuyến bao gồm: biển báo, vạch sơn, lan can tôn sóng theo “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ” QCVN41:2024/BGTVT.

(có hồ sơ chi tiết kèm theo).

9. Số bước thiết kế, quy chuẩn, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu:

- Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).
- Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn đã được Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp thẩm định tại Công văn số 4394/BNS-QHXD ngày 20/12/2025; Chủ đầu tư chủ động cập nhật quy chuẩn, tiêu chuẩn mới được cấp có thẩm quyền ban hành trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

10. Tổng mức đầu tư: 35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng).

Trong đó:

Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC:	2.809.168.000 đồng;
Chi phí xây dựng:	24.560.456.000 đồng;
Chi phí quản lý dự án:	577.845.000 đồng;
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.044.673.000 đồng;
Chi phí khác:	1.601.509.000 đồng;
Chi phí dự phòng:	3.406.349.000 đồng.

(có phụ lục chi tiết kèm theo).

11. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn tăng thu ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu để đầu tư trở lại cho tỉnh Thanh Hóa theo quy định của Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội.

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025 - 2026.

13. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: Đảm bảo đủ phân đất để xây dựng và bảo vệ, bảo trì của đường bộ theo Điều 10, Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND phường Tĩnh Gia tổ chức thực hiện theo quy định.

14. Hình thức quản lý dự án: Áp dụng hình thức quản lý dự án là Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

- Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Nghi Sơn (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về hoạt động đầu tư xây dựng; trong bước tiếp theo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kiến nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tại Công văn số 4394/BNS-QHXD ngày 20/12/2025 và ý kiến của các sở, ngành liên quan.

- UBND phường Tĩnh Gia tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật.

- Giao Chủ đầu tư trực tiếp làm chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XI; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp; Chủ tịch UBND phường Tĩnh Gia; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Nghi Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án Đầu tư xây dựng cầu Chay bắc qua kênh Than, phường Tĩnh Gia

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Hạng mục chi phí	Phương pháp xác định	Thành tiền			Ký hiệu
			Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế	
I	Chi phí bồi thường GPMB (đã bao gồm dự phòng)	Khái toán chi tiết	2.809.168.000		2.809.168.000	Ggpm
II	Chi phí xây dựng		22.741.162.790	1.819.293.023	24.560.456.000	Gxd
1	Cầu Chay (Cầu BTCT DƯỠ 2x18m)	Dự toán chi tiết	11.735.384.776	938.830.782	12.674.216.000	
2	Đường hai đầu cầu		11.005.778.014	880.462.241	11.886.240.000	
III	Chi phí quản lý dự án	2,541% x 22.741.162.790	577.844.770		577.845.000	Gqla
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		1.899.407.519	145.265.499	2.044.673.000	Gtv
1	Chi phí lập Báo cáo NCKT		125.708.277	10.056.662	135.765.000	
-	<i>Phần cầu</i>	0,616% x 0,8 x 11.735.384.776	57.869.130	4.629.530	62.499.000	
-	<i>Phần đường</i>	0,616% x 11.005.778.014	67.839.147	5.427.132	73.266.000	
2	Chi phí khảo sát bước lập Báo cáo NCKT	QĐ số 75/QĐ-BQLDANS ngày 07/12/2025	333.144.444	26.651.556	359.796.000	
3	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước NCKT		9.994.444	799.556	10.794.000	
4	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng bước NCKT		13.565.741	1.085.259	14.651.000	
5	Chi phí khảo sát bước BVTC	Khái toán chi tiết	195.284.259	15.622.741	210.907.000	
6	Chi phí thiết kế TKXDTK sau TKCS	1,352% x 22.741.162.790	307.398.115	24.591.849	331.990.000	
7	Chi phí cắm cọc GPMB	Khái toán chi tiết	62.337.963	4.987.037	67.325.000	
8	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	3,000% x 195.284.259	5.858.528	468.682	6.327.000	
9	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng bước BVTC	4,072% x 195.284.259	7.951.975	636.158	8.588.000	
10	Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	QĐ số 80/QĐ-BQLDANS ngày 09/12/2025	31.172.222	2.493.778	33.666.000	
11	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	0,144% x 22.741.162.790	32.723.021	2.617.842	35.341.000	
12	Chi phí thẩm tra dự toán BVTC	0,139% x 22.741.162.790	31.544.404	2.523.552	34.068.000	
13	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu Gói thầu thi công xây dựng	0,229% x 22.840.386.102	52.271.950	4.181.756	56.454.000	

TT	Hạng mục chi phí	Phương pháp xác định			Thành tiền			Ký hiệu
					Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế	
14	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,669%	x	22.741.162.790	606.863.393	48.549.071	655.412.000	
15	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT Gói thầu thi công	0,200%	x	24.667.617.000	49.335.234		49.335.000	
16	Chi phí lập báo cáo đề xuất chủ trương	0,151%	x	22.741.162.790	34.253.548		34.254.000	
V	Chi phí khác				1.578.923.687	22.585.365	1.601.509.000	Gk
1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,250%	x	22.741.162.790	56.852.907	4.548.233	61.401.000	
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,324%	x0,5x	35.000.000.000	56.765.625		56.766.000	
3	Chi phí kiểm toán	0,523%	x	35.000.000.000	183.093.750	14.647.500	197.741.000	
4	Phí thẩm định thiết kế XD triển khai sau TK cơ sở	0,101%	x0,5x	22.741.162.790	11.463.000		11.463.000	
5	Phí thẩm định dự toán xây dựng triển khai sau TK cơ sở	0,098%	x0,5x	22.741.162.790	11.097.000		11.097.000	
6	Chi phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	0,016%	x0,5x	35.000.000.000	2.835.000		2.835.000	
7	Chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quá trình thực hiện	5,000%	x	577.844.770	14.446.000		14.446.000	
8	Hoàn trả đường phục vụ huy động, giải thể vật tư máy móc thi công công trình (bao gồm 01 đoạn tuyến thuộc đường từ QL1A đến đầu tuyến, dự kiến 1,36km)			Tạm tính	1.200.000.000		1.200.000.000	
9	Chi phí đảm bảo ATGT			Dự toán chi tiết	42.370.405	3.389.632	45.760.000	
VI	Chi phí dự phòng (không bao gồm dự phòng cho GPMB)						3.406.349.000	Gdp
1	Dự phòng khối lượng phát sinh	7,56%	x	28.784.483.000			2.177.252.000	
2	Dự phòng trượt giá	4,27%	x	28.784.483.000			1.229.097.000	
	Tổng mức đầu tư			(I+II+III+IV+V+VI)			35.000.000.000	Gxdct
	Làm tròn						35.000.000.000	